

Nội dung bài viết

1. [Phân tích bài thơ Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan mẫu 1](#)
2. [Phân tích đánh giá bài thơ Chiều hôm nhớ nhà hay nhất mẫu 2](#)

## Phân tích bài thơ Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan mẫu 1

Ai đã từng đọc "Truyện Kiều" chắc không thể nào quên được câu thơ của Nguyễn Du nói về hoàng hôn:

*“Song sa vò võ phương trời,  
Nay hoàng hôn đã lại mai hoàng”.*

Cũng nói về hoàng hôn và nỗi buồn của kẻ tha hương, bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" của Bà Huyện Thanh Quan là một kiệt tác của nền thơ Nôm Việt Nam trong thế kỉ XIX:

*"Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,  
Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn.  
Gác mái, ngư ông về viễn phố,  
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.  
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,  
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.  
Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,  
Lấy ai mà kẻ nhớ hàn ôn?".*

Câu thơ đầu tả ánh hoàng hôn một buổi chiều viễn xứ. Hai chữ "bảng lảng" có giá trị tạo hình đặc sắc: ánh sáng lờ mờ lúc sắp tối, mơ hồ gần xa, tạo cho bức tranh một buổi chiều thấm buồn:

*"Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn".*

Hai chữ "bảng lảng" là nhãn tự - như con mắt của câu thơ. Nguyễn Du cũng có lần viết: "Trời tây bảng lảng bóng vàng" (Truyện Kiều).

Chỉ qua một vần thơ, một câu thơ, một chữ thôi, người đọc cũng cảm nhận được ngòi bút thơ vô cùng điêu luyện của Bà Huyện Thanh Quan.

Đối với người đi xa, khoảnh khắc hoàng hôn, buổi sao kê hết được? Nỗi buồn ấy lại được nhân lên khi tiếng ốc (tù và) cùng tiếng trống đồng "xa đưa vắng" lại. Chiều dài (tiếng ốc), chiều cao (tiếng trống đồng trên chòi cao) của không gian được diễn tả qua các hợp âm ấy, đã gieo vào lòng người lữ khách một nỗi buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái. Câu thơ vừa có ánh sáng (bảng lảng) vừa có âm thanh (tiếng ốc, trống đồng) tạo cho cảnh hoàng hôn miền đất lạ mang màu sắc dân dã:

*"Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,*

*Tiếng ốc xa đưa vắng trống đồng".*

Phần thực và phần luận, các thi liệu làm nên cốt cách bài thơ được chọn lựa tinh tế, biểu đạt một hồn thơ giàu cảm xúc. Ngư ông, mục tử, lữ khách... thế giới con người được nói đến. Cảnh vật thì có ngàn mai, có gió và sương, có "chim bay mỏi" ... Những thi liệu ấy mang tính chất ước lệ của thi pháp cổ (người thì có: ngư, tiều, canh vật, cây cỏ, hoa lá thì có: phong, sương, mai, liễu, cánh chim chiều...) nhưng với tài sáng tạo vô song: chọn từ, tạo hình ảnh, đối câu, đối từ, đối thanh, ở phương diện nào, nữ sĩ cũng tỏ rõ một hồn thơ tài hoa, một ngòi bút trang trọng. Vì thế, cảnh vật trở nên có hồn, gần gũi, thân thuộc mang đậm bản sắc dân tộc.

Chiều tà, ngư ông cùng con thuyền nhẹ trôi theo dòng sông về viễn phố (bến xa) với tâm trạng nhàn hạ, thoải mái. Động từ "gác mái" biểu đạt một tâm thế yên vui của ngư ông đang sống nơi miền quê yên ả, không bị ràng buộc bởi vòng danh lợi:

*"Gác mái, ngư ông về viễn phố".*

Cùng lúc đó, lũ trẻ đánh trâu về chuồng, trở lại "cô thôn". Cử chỉ "gõ sừng" của mục đồng thể hiện sự hồn nhiên, vô tư, yêu đời:

*"Gõ sừng, mục tử lại cô thôn".*

Đó là hai nét vẽ về con người tạo nên hai bức tranh tuyệt đẹp nơi thôn dã vô cùng thân thuộc đáng yêu.

Hai câu luận tiếp theo đã mượn cảnh để tả cái lạnh lẽo, cô liêu, bơ vơ của người lữ khách trên nẻo đường tha hương. Trời sắp tối. Ngàn mai xào xạc trong "gió cuốn": gió mỗi lúc một mạnh. Cánh chim mỗi bay gấp gấp vờn vòng tìm tổ. Sương sa mịt mù dậm liễu. Và trên con đường sương gió, lạnh lẽo ấy chỉ có một người lữ khách, một mình một bóng đang "bước dõn" tìm nơi nghỉ trọ. Hai hình ảnh "chim bay mỗi" và "khách bước dõn" là hai nét vẽ đăng đối, đặc tả sự mỗi mệt, cô đơn. Con người như bơ vơ, lạc lõng giữa "gió cuốn" và "sương sa", đang sống trong khoảnh khắc sầu cảm, buồn thương ghê gớm. Câu thơ để lại nhiều ám ảnh trong lòng người đọc. Nghệ thuật đảo ngữ làm nổi bật cái bao la của nẻo đường xa miên đất lạ:

*"Ngàn mai, gió cuốn chim bay mỗi,  
Dậm liễu, sương sa khách bước dõn".*

Bằng sự trải nghiệm của cuộc đời, đã sống những khoảnh khắc hoang hờn ở nơi đất khách quê người, nữ sĩ mới viết được những câu thơ tả thực cảnh ngộ lẻ loi của kẻ tha hương có hồn đến thế!

Hai câu kết hội tụ, dõn nén lại tình thương nhớ. Nữ sĩ cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Câu thứ bảy gồm hai vế tiểu đối, lời thơ cân xứng đẹp: "Kẻ chốn Chương Đài// người lữ thứ. Chương Đài là điển tích nói về chuyện li biệt, nhớ thương, tan hợp của lứa đôi Hàn Hoành và Liễu thị đời nhà Hán xa xưa. Bà Huyện Thanh Quan đã vận dụng điển tích ấy một cách sáng tạo. "Chương Đài" và "lữ thứ" trong văn cảnh gọi ra một trường liên tưởng về nỗi buồn li biệt của khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết. Khép lại bài thơ là một tiếng than giải bày một niềm tâm sự được diễn tả dưới hình thức câu hỏi tu từ. "Ai" là đại từ phiếm chỉ, nhưng ai cũng biết đó là chõng, con, những người thân thương của nữ sĩ. "Hàn ôn" là nóng lạnh; "nỗi hàn ôn" là nỗi niềm tâm sự. Người lữ thứ trong chiều tha hương ấy thấy mình bơ vơ nơi xa xôi, nỗi buồn thương không sao kể xiết:

*"Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?".*

"Chiều hôm nhớ nhà" và "Qua Đèo Ngang" hai kiệt tác thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Đó là chùm thơ của Bà Huyện Thanh Quan sáng tác trong những tháng ngày nữ

sĩ trên đường thiên lí vào Kinh đô Huế nhận chức nữ quan trong triều Nguyễn. Có thể coi đó là những bút kí bằng thơ vô cùng độc đáo. Thơ của Bà Huyện Thanh Quan thấm một nỗi buồn li biệt hoặc hoài cổ, hay nói đến hoàng hôn, lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán-Việt (bằng lẳng, hoàng hôn, ngư ông, viễn phố...) tạo nên phong cách trang trọng, cổ kính, nhạc điệu trầm bổng hấp dẫn. "Chiều hôm nhớ nhà" là một bông hoa nghệ thuật chứa chan tình thương nhớ, băng khuâng....

## **Phân tích đánh giá bài thơ Chiều hôm nhớ nhà hay nhất mẫu**

### **2**

Bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" của bà Huyện Thanh Quan là một tác phẩm văn chương đặc sắc, mang đậm tình cảm và hình ảnh đẹp về quê hương, về tuổi thơ và những kỷ niệm ngọt ngào. Bài thơ đã tạo nên một không gian tĩnh lặng, êm đềm, khiến người đọc như được trở về quá khứ, nhớ về những kỷ niệm đáng quý.

Bài thơ bắt đầu bằng câu "Chiều hôm nhớ nhà, nhớ quê hương", ngay từ đầu đã thể hiện sự nhớ nhung, tình cảm sâu sắc của tác giả đối với quê hương và tuổi thơ. Bà Huyện Thanh Quan đã sử dụng những từ ngữ đơn giản, gần gũi để tạo nên một hình ảnh thân thuộc, như "mái tranh", "đòng quê", "con đường", "ngôi nhà",... Những từ ngữ này không chỉ đơn thuần là mô tả mà còn chứa đựng nhiều ý nghĩa sâu sắc về quê hương, về tuổi thơ và những giá trị văn hóa truyền thống.

Bài thơ tiếp tục miêu tả những hình ảnh đẹp và tình cảm của tác giả với quê hương. Bà Huyện Thanh Quan đã sử dụng nhiều biểu tượng và hình ảnh như "cánh đòng", "cánh đòng lúa chín vàng", "cánh đòng bát ngát",... để tạo nên một không gian mộc mạc, yên bình và thân thuộc. Những hình ảnh này không chỉ đơn thuần là mô tả mà còn mang ý nghĩa về sự phồn thịnh, sự bình yên và sự gắn kết của người dân quê hương.

Bài thơ còn thể hiện sự nhớ nhung và tình cảm của tác giả với tuổi thơ. Bà Huyện Thanh Quan đã miêu tả những kỷ niệm đáng quý trong tuổi thơ như "đường đi học", "bàn ghế trường xưa", "bài hát tuổi thơ",... Những hình ảnh này không chỉ đơn thuần là mô tả mà còn chứa đựng nhiều kỷ niệm, nỗi nhớ và tình cảm sâu sắc của tác giả với những ngày tháng ngọt ngào đã qua.

Bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" của bà Huyện Thanh Quan là một tác phẩm văn chương đẹp, tạo nên một không gian tĩnh lặng, êm đềm và đầy tình cảm. Tác giả đã sử dụng những từ ngữ đơn giản, gần gũi và những hình ảnh đẹp để miêu tả quê hương và tuổi

thơ. Bài thơ đã gọi lên trong lòng người đọc những kỷ niệm đáng quý và những giá trị văn hóa truyền thống.

### **Phân tích bài thơ Chiều hôm nhớ nhà (mẫu 5)**

“Nhớ nước” – “thương nhà” là hai dòng tình cảm sâu sắc của Bà Huyện Thanh Quan. “Nhớ nước”, bà có bài thơ “Thăng Long thành hoài cổ”, “thương nhà”, bà có bài thơ “Chiều hôm nhớ nhà”.

Dưới triều Tự Đức, bà được mời về kinh nhậm chức Cung trung giáo tập để dạy các công chúa, cung phi. Sống trong cung đình, nhưng bà tự coi mình như kẻ “lữ thứ”, tấm lòng của bà luôn luôn hướng về chốn “Chương Đài”. Tâm sự “thương nhà” của bà được diễn tả một cách tài hoa trong bài thơ “Chiều hôm nhớ nhà”:

*“Chiều trời hắng lẳng bóng hoàng hôn*

*.....  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?”.*

Bà Huyện Thanh Quan đã chọn luật bằng vần bằng cho bài thơ “Chiều hôm nhớ nhà” (Bài “Thăng Long thành hoài cổ” là luật trắc vần bằng) hợp với điệu hoài cảm của tâm hồn thi nhân. Mở đầu bài thơ là hình ảnh buổi hoàng hôn với điệu nhạc chiều êm ái, thốn thức:

*“Chiều trời bằng lẳng bóng hoàng hôn  
Tiếng ốc xa đưa vắng trống đồn”*

Trong cả ba bài thơ nổi tiếng, Bà Huyện Thanh Quan đều nói đến chiều tà.

*“Bước tới đèo Ngang bóng xế tà”  
(Qua đèo Ngang)*

*“Nên cử lâu đài bóng tịch dương”  
(Thăng Long thành hoài cổ)*

*“Chiều trời bằng lẳng bóng hoàng hôn”*

Từ “bằng lẳng” tả ánh sáng buổi hoàng hôn thật là đặc sắc. Cảm nhận về ánh sáng như vậy thật là thi sĩ. “Bằng lẳng” là ánh nắng đã nhạt, loãng, yếu ớt của buổi chiều tàn. Ánh nắng hạ xuống thì nhạc chiều nổi lên. Điệu nhạc trầm buồn của tiếng ốc từ xa đưa lại, tiếng trống cũng xa, chỉ nghe vắng vắng nhưng dậm dặt thốn thức.

Cái tôi trữ tình của thi nhân lặng phía sau hình ảnh và âm thanh. Cái gì nữ sĩ nhìn thấy, gầy gù thì nhạt nhòa, tàn phai. Nữ sĩ lắng nghe, đón nhận những âm vang từ xa, cho nên khúc nhạc chiêu trầu buồn đó cũng là khúc nhạc lòng của thi nhân.

Nhà thơ mở rộng không gian của buổi hoàng hôn, trở về với những hình ảnh gầy gù thân quen của những người lao động:

*“Gác mái, ngư ông về viễn phố  
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn”*

Bà Huyện Thanh Quan vẫn không thoát khỏi những đề tài “ngư, tiều, canh, mục” quen thuộc trong thơ cổ điển nhưng bà vẫn có sáng tạo riêng. Bà chỉ chọn hai nhân vật cho buổi “chiều hôm” là “ngư ông” và “mục tử”.

Nét linh hoạt của câu thơ là ở những cử chỉ của nhân vật. Hai cử chỉ nghịch nhau mà lại cùng diễn tả một ý tưởng. “Gác mái” là ngư ông nghỉ ngơi, đảo vị ngữ “Gác mái” càng nhấn mạnh sự nghỉ ngơi thư thái của ngư ông. “Gõ sừng” cũng được đảo ra phía trước để nhấn mạnh cử động của mục tử (người chăn trâu) nhưng là cử động trở về, nghỉ ngơi. Nhưng cả ngư ông và mục tử trên đường trở về đều có khoảng cách “ngư ông về viễn phố”, ngư ông về bên xa, “mục tử lại cô thôn”, người chăn trâu về xóm lẻ loi.

Khoảng cách ấy cũng là khoảng cách trong lòng thi nhân với quê hương xứ sở của mình, thành ra có ba con người, ngư ông, mục tử và nữ sĩ chẳng gắn bó gì với nhau cả lại cùng giống nhau ở một điểm là chiều hôm, mỗi người đều hướng về nơi chôn thân yêu của mình. Tóm lại, hai câu thực đã thể hiện một cách tài hoa chủ đề chiều hôm nhớ nhà.

Chuyển sang hai câu luận, không gian thơ được mở lên chiều cao với những hoạt động của thiên nhiên trong buổi chiều hôm:

*“Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi  
Dặm liễu sương sa khách bước dồn”*

Hình ảnh thật đẹp, thật gợi cảm. Nhà thơ đã chọn được những tín hiệu thẩm mỹ có khả năng diễn tả tâm tình của thi nhân. Hình ảnh “ngàn mai gió cuốn” vừa rộng lớn, thoáng, vừa sôi động. Rừng mai bạt ngàn càng thấy sự lẻ loi đơn chiếc của thi nhân, hình ảnh “gió cuốn” gợi sự xao động bên trong của nữ sĩ. Hình ảnh cánh chim chiều “bay mỏi” cũng gợi tâm trạng của thi nhân.

Làm sao giữa không gian bạt ngàn của rừng mai mà nhận ra “chim bay mỗi”? Phải có con mắt rất tinh, nhưng như thế vẫn chưa đủ, phải là con mắt của tấm lòng. Còn “dặm liễu” thì thơ mộng mà “dặm liễu sương sa” thì vừa thơ mộng vừa lạnh lẽo. Cái lạnh của sương chi ều đã thúc bước chân của người đi đường “khách bước d ền”.

Cái hay của hai câu luận là không gian được mở ra với những hình ảnh đẹp, thơ mộng, gợi cảm và chủ đề Chi ều hôm nhớ nhà cũng mở ra đến chi ều sâu thẳm. Chỉ tiếc là từ “d ền” (bước d ền) trong câu luận đã lặp lại từ “d ền” (trông d ền) trong câu thừa đề khiến cho bài thơ nghèo đi một chút.

Dòng tình cảm ng ần chảy suốt qua các hình ảnh và nhạc điệu đến đây lộ ra tha thiết, n ồng nàn:

*“Kẻ chôn Chương Đài, người lữ thứ  
Lấy ai mà kẻ nổi hàn ôn?”*

Nữ sĩ dùng những từ phiếm chỉ như “kẻ”, “người”, “ai” vừa thuận với thi pháp “phi ngã” (không có cái tôi) thời bấy giờ mà cũng vừa hợp với tâm tình của thi nhân, tha thiết nhưng không ủy mị (người trí mại), n ồng nàn nhưng vẫn e ấp.

“Kẻ chôn Chương Đài” là tác giả dùng điển cố. Xưa có người gửi thư về cho vợ là Liễu Thị hỏi: “Cây liễu Chương Đài xanh xanh trước kia nay còn không?”. Và từ đó “Chương Đài” thành ước lệ quê nhà trong văn chương. “Kẻ chôn Chương Đài, người lữ thứ” là kẻ ở quê nhà, người ở quán trọ (lữ thứ) xa xôi cách trở.

Nữ sĩ dùng chữ “lữ thứ” thật bất ngờ. Bà đang dạy học cho các công chúa và cung phi trong cung vua, còn đâu hoa lệ và sang trọng hơn? Vậy mà nữ sĩ coi đây cũng chẳng qua là quán trọ.

Tác giả dùng từ Hán Việt “lữ thứ” phần nào trung hòa được tinh thần ngạo mạn của bà. Cho nên trong sâu thẳm tình cảm nhớ nhà của bà là tình nhớ nước. Bà chẳng tha thiết, chẳng gắn bó gì với tri ều đại đương thời, nữ sĩ cảm thấy như bị lưu đày nơi đất khách quê người. Và câu hỏi tu từ “Lấy ai mà kẻ nổi hàn ôn?” càng trào dâng lên nỗi nhớ nhà của kẻ “lữ thứ”.

Bài thơ “Chi ều hôm nhớ nhà” được Bà Huyện Thanh Quan viết theo bút pháp tả cảnh gợi tình quen thuộc trong thơ cổ điển. Từng bình ảnh, từng âm thanh đều gợi đến tâm trạng nhớ nhà của nữ sĩ. Nỗi nhớ nhà của nữ sĩ thật là thâm trầm, sâu sắc, nhân bản. T

rong quan hệ xã hội, bà không được chia sẻ, sống với một triêu đại mà bà chỉ hướng về ánh hào quang của quá khứ, “một mảnh tình riêng ta với ta” (Qua đèo Ngang) nên bà d ãn tình cảm nhớ thương cho gia đình, cho những người thân yêu. Trước tình trạng lỏng lẻo của những mối quan hệ gia đình hiện nay thì một tiếng thơ (cũng là tiếng lòng) của Bà Huyện Thanh Quan cũng có giá trị tinh thần nhân bản, cao quý của gia đình.